TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 34/2026/QĐST-HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 20 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 10/2026/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** anh Bùi Quang H, sinh ngày 21/10/1986; CCCD số: 0370860043xx do Cục C về TTXH, Bộ C1 cấp ngày 17/4/2023.

Địa chỉ: xóm I, xã K, tỉnh Ninh Bình

- **Bị đơn:** chị Phạm Thị N, sinh ngày 25/10/1985; CC số: 0371850051xx do Bộ C1 cấp ngày 08/9/2025;

ĐKHKTT: xóm I, xã K, tỉnh Ninh Bình;

Địa chỉ: xóm A Đ, xã K, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Bùi Quang H và chị Phạm Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: anh Bùi Quang H và chị Phạm Thị N thỏa thuận vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Việt A, sinh ngày 02/12/2012 và cháu Bùi Quang V sinh ngày 13/7/2015. Nay ly hôn anh Bùi Quang H và chị Phạm Thị N thống nhất thoả thuận giao cháu Bùi Việt A, sinh ngày 02/12/2012 và cháu Bùi Quang V sinh ngày 13/7/2015 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Bùi Quang H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con.

- *Về con riêng:* anh Bùi Quang H và chị Phạm Thị N thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Bùi Quang H và chị Phạm Thị N thỏa thuận anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/1 cháu từ tháng 3 năm 2026 cho đến khi các con đủ 18 tuổi

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2.3. Về chia tài sản chung: anh Bùi Quang H và chị Phạm Thị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Bùi Quang H phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000150 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 –Ninh Bình;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Bích Hồng